

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học-Công nghệ thực phẩm Chuyên ngành: Hóa học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐINH VĂN PHÚC**

2. Ngày tháng năm sinh: 05/03/1982 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nghĩa Tân, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): B12, Tổ 1, Khu phố 5, phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai;

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Nghiên cứu Khoa học Cơ bản và Ứng dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Duy Tân, số 6 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: Không; Điện thoại di động: 0909442342;

E-mail: dinhvanphuc@duytan.edu.vn;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2005 đến năm 2011: Giảng viên trường cao đẳng sư phạm Đồng Nai;

- Từ năm 2011 đến năm 2018: Giảng viên bộ môn Hóa, Khoa Tự Nhiên, Trường Đại học Đồng Nai.

- Từ 2018 đến 10/2021: Nghiên cứu viên kiêm giảng viên, Viện Nghiên cứu Khoa học Cơ bản và Ứng dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Duy Tân (Theo Quyết định

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 5391/QĐ-ĐHDT và Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng số 312/HĐLĐ-ĐHDT ngày 03 tháng 10 năm 2018).

- Từ 11/2021 đến Nay: Nghiên cứu viên kiêm giảng viên, Viện Nghiên cứu Khoa học Cơ bản và Ứng dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Duy Tân (Theo hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng số 4228/HĐLĐ-ĐHDT ngày 06 tháng 11 năm 2021).

Chức vụ: ; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Khoa học Cơ bản và Ứng dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Duy Tân.

Địa chỉ cơ quan: 6 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam;
- Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Trường Đại học Lạc Hồng;
- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 03 năm 2005; số văn bằng: B581478; ngành: Cử nhân khoa học Hóa học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 03 năm 2010; số văn bằng: 147-HH/2010; ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa Vô cơ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Được cấp bằng TS, ngày 05 tháng 06 năm 2018; số văn bằng: 007898; ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa Phân Tích; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Năng Lượng Nguyên Tử Việt Nam
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Duy Tân;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học- Công nghệ Thực phẩm;

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tổng hợp vật liệu nano MnO_2 dùng làm pha rắn để làm giàu mẫu nước trong phân tích kích hoạt neutron trên lò phản ứng Hạt nhân Đà Lạt.
- Kết hợp các phương pháp phân tích hiện đại với tính toán mô phỏng và các mô hình hấp phụ để nghiên cứu bản chất quá trình hấp phụ kim loại nặng và chất màu hữu cơ của các phế phẩm công-nông nghiệp, định hướng ứng dụng trong xử lý môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp Quốc gia (NAFOSTED).
- Đã công bố (số lượng) 37 bài báo KH, trong đó 27 bài báo ISI, SCOPUS (tác giả chính 20 bài).
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 00 sách tham khảo, 01 chương sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín và 00 sách được chính thức công nhận làm giáo trình giảng dạy.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; Tuân thủ đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước;
- Có trình độ tiến sĩ, được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu;
- Có khả năng nghiên cứu khoa học và tổ chức các nhóm nghiên cứu khoa học ;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Lý lịch bản thân rõ ràng;
- Giáo dục và giảng dạy theo chuẩn đầu ra của chương trình, tham gia đầy đủ các cuộc họp chuyên môn của đơn vị; Tham gia xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước đại học, thạc sĩ, hướng dẫn thành công nhiều học viên cao học, đại học và hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của người giảng viên theo các qui định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo;

- gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, chấp hành chủ trương đường lối của Đảng và các chính sách pháp luật của nhà nước. Tuân thủ theo điều lệ của trường đại học;
- Bản thân luôn phấn đấu hoàn thành nghĩa vụ của giảng viên, công việc lãnh đạo của đơn vị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có khả năng hoàn thành các công việc đột xuất được giao của nhà trường và có khả năng làm việc trong môi trường áp lực cao;
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: 11 năm (từ 2011 đến nay), trong đó:

+ Từ năm 2005 – 2011: Giảng viên Trường Cao đẳng sư phạm Đồng Nai;

+ Từ năm 2011 – 2018: Giảng viên Trường Đại học Đồng Nai;

+ Từ năm 2018 – 10/2021: Nghiên cứu viên kiêm Giảng viên, Viện Nghiên cứu Khoa học Cơ bản và Ứng dụng tại TPHCM, trường Đại học Duy Tân (Quyết định số 5391/QĐ-ĐHDT và Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng số 312/HĐLĐ-ĐHDT ngày 03 tháng 10 năm 2018);

+ Từ 11/2021 – Nay: Nghiên cứu viên kiêm Giảng viên, Viện Nghiên cứu Khoa học Cơ bản và Ứng dụng tại TPHCM, trường Đại học Duy Tân (HĐLĐ số 4228/HĐLĐ-ĐHDT ngày 06 tháng 11 năm 2021);

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	-	-	-	-	240		240/261/135
2	2016-2017	-	-	-	-	300		300/327/135
3	2017-2018	-	-	-	-	195		195/241/135
4	2018-2019	-	-	-	-	30		30/31/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3 năm học cuối								
4	2019-2020	-	-		2	0	135	135/267,5/135
5	2020-2021	-	-	02		90	165	255/560/135
6	2021-2022	-	-	01 (đang thực hiện)		135	120	255/352,5/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 5.5.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hồ Thiên Hoàng		HVCH	x		1/09/2020 đến 31/05/2021	Học viện Khoa học và Công nghệ	1101/QĐ-HVKHCN, ngày 29/07/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Lưu Thị Thủy		HVCH	x		1/09/2020 đến 31/05/2021	Học viện Khoa học và Công nghệ	1101/QĐ- HVKHCN, ngày 29/07/2021
---	--------------	--	------	---	--	--------------------------------	--------------------------------------	---

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án TS							
Sau khi bảo vệ luận án TS							
1	Sustainable Nanotechnology	TK	RSC Publishing	3	X	Chương 5, Trang 144-162	

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ luận án TS					
Sau khi bảo vệ luận án TS					
1	ĐT: Nghiên cứu cấu trúc, hình thái và thuộc tính hấp phụ của vật liệu MnO _x bản cách kết hợp các phương pháp phân tích vật lý, hóa học và hạt nhân.	CN	103.02-2018.368 Cấp Quốc gia (NAFOSTED)	4/2019 đến 4/2021	19/7/2021/ Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
I. Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	Khảo sát khả năng hấp thu Chlorophyll bởi MnO ₂ và ứng dụng để xác định dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật họ carbamate có trong mẫu rau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).	5		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN: 0868-3224.	-	-	T19, Số 3, 2014; trang 35-39	3/2014
2	Khảo sát chất lượng nước giếng trong các hộ dân xung quanh khu công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	4		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN: 0868-3224.	-	-	T19, Số 3, 2014; trang 40-45.	3/2014
3	Application of γ -MnO ₂ nanostructure to adsorb Cd ²⁺ , Co ²⁺ , Cu ²⁺ and Zn ²⁺ from aqueous solution	4	X	Hội nghị Hóa phân tích Analytica 2015	-	-	Trang 114-121.	4/2015
4	Adsorption and desorption of Lead (II) ions from aqueous solution by	4	X	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN: 0868-3224.			T20, Số 4, 2015; trang 351-360.	6/2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	gamma – MnO ₂ nanostructure							
5	Sự hấp phụ Pb ²⁺ từ dung dịch nước trên vật liệu chitosan có gắn các phân tử nano MnO ₂ : Nghiên cứu các mô hình cân bằng đẳng nhiệt.	3	X	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, ISSN: 0868-3224.		2	T20, Số 4, 2015; trang 210-217.	2/2015
6	Sorption of lead (II), cobalt (II) and copper (II) ions from aqueous solutions by γ -MnO ₂ nanostructure	2	X	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology, ISSN: 2043-6262.	Scopus (Q2)	15	Vol.6, No.2, 8 trang.	3/2015
7	Removal of copper (II) from aqueous solution by adsorption onto MnO ₂ nanostructure: Equilibrium and kinetic studies	3	X	Hội nghị: "The 4th Academic Conference on Natural Science for Young Scientists, Master & PhD Students from Asean Countries." ISBN 978-604-913-088-5.		3	Trang 57-64	12/2015
8	Synthesis of alpha-MnO ₂ Nanomaterial from a Precursor gamma-MnO ₂ : Characterization and Comparative Adsorption of Pb(II) and Fe(III)	4	X	Journal of Chemistry, ISSN: 2090-9063, eISSN: 2090-9071.	ISI (Q2, IF=3,241)	13	Vol.2016, Article ID 8285717, 9 trang.	9/2016
9	Adsorption of zinc (II) onto MnO ₂ /CS	4	X	Desalination and Water	ISI (Q2, IF=1,234)	-	58 (2017), 427-434.	1/2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	composite : equilibrium and kinetic studies			Treatment, ISSN: 1944-3994, eISSN: 1944-3986.				
10	Comparison of the adsorption of Zn (II) on alpha-and gamma-MnO ₂ nanostructures	5	X	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (VJSTE), ISSN: 2525-2461, eISSN: 2615-9937.		2	T59, Số 3, trang 14-19.	8/2017
11	Comparison of the Adsorption of Fe(III) on Alpha- and Gamma-MnO ₂ Nanostructure	5	X	Journal of Electronic Materials, ISSN: 0361-5235.	ISI (Q2, IF=1,983)	1	Vol.46, No.6, 3681-3688	1/2017
12	Simultaneous existence of defects and mesopores in nanosized ZSM-5 zeolite studied by positron annihilation and X-ray diffraction spectroscopies	9		Journal of Applied Physics, ISSN: 0021-8979, eISSN: 1089-7550.	ISI (Q2, IF=2,546)	-	Vol.121, Issue 8,	2/2017
13	Bước đầu nghiên cứu sự hấp phụ As(V) trên nano MnO ₂ /chitosan composite	3		Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Tự nhiên, ISSN: 2599-106X.			T2, Số 3, Trang 78-84	9/2018
II. Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
14	Determination of cobalt in seawater using neutron activation analysis	9	X	Journal of Chemistry, ISSN: 2090-	ISI (Q2, IF=3,241)	5	Vol.2018, Article ID 9126491, 8 trang	2/2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	after preconcentration by adsorption onto g-MnO ₂ nanomaterial			9063, eISSN: 2090-9071.				
15	Insight into adsorption mechanism of lead(II) from aqueous solution by chitosan loaded MnO ₂ nanoparticles	6	X	Materials Chemistry and Physics, ISSN: 0254-0584.	ISI (Q2, IF=4,778)	47	207 (2018), 294-302	2018
16	Comparison of the uptake of methylene blue on alpha and gamma-MnO ₂ nanomaterials	7	X	Desanilation and Water Treatment, ISSN: 1944-3994, eISSN: 1944-3986.	ISI (Q2, IF=1,273)	-	144 (2019), 384-392	3/2019
17	Insight into the adsorption mechanisms of methylene blue and chromium (III) from aqueous solution onto pomelo fruit peel	11	X	RSC Advances, ISSN: 2046-2069.	ISI (Q1, IF=4,036)	71	9 (2019), 25847–25860	8/2019
18	Amino-functionalized MIL-88B(Fe)-based porous carbon for enhanced adsorption toward ciprofloxacin pharmaceutical from aquatic solutions	9		Comptes Rendus Chimie, ISSN: 1631-0748, eISSN: 1878-1543	ISI (Q2, IF=2,55)	21	22 (2019), 804-812	10/2019
19	Facile synthesis of FeFe ₂ O ₄ magnetic nanomaterial for removing	6	X	Progress in Natural Science: Materials	ISI (Q1, IF=4,269)	12	29 (2019), 648-654	11/2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	methylene blue from aqueous solution			International, ISSN: 1002-0071				
20	A hybrid model for estimation of pore size from ortho-positronium lifetimes in porous materials	7		Radiation Physics and Chemistry, ISSN: 0969-806X	ISI (Q2, IF=2,776)	4	172 (2020), 108867	3/2020
21	Modeling and optimization of biosorption of lead (II) ions from aqueous solution onto Pine leaves (Pinus Kesiya) using response surface methodology	6	X	Desanilation and Water Treatment, ISSN: 1944-3994, eISSN: 1944-3986	ISI (Q2, IF=1,273)	4	173 (2020), 383-393	1/2020
22	Design of a unique holder for structural modification of ZSM-5 zeolite using a 10 MeV electron beam generated from an industrial UERL-10-15S2 linear accelerator	18		Radiation Physics and Chemistry, ISSN: 0969-806X	ISI (Q2, IF=2,776)	1	174 (2020), 108948	5/2020
23	Chitosan-MnO ₂ nanocomposite for effective removal of Cr (VI) from aqueous solution	11	X	Chemosphere, ISSN: 0045-6535	ISI (Q1, IF=8,943)	28	257 (2020), 127147	5/2020
24	Primary biosorption mechanism of lead (II) and cadmium (II) cations from aqueous solution by pomelo (Citrus maxima) fruit peels	9	X	Environmental Science and Pollution Research, ISSN: 0944-1344, eISSN: 1614-7499	ISI (Q2, IF=5,19)	6	28 (2021), 63504-63515	7/2020

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
25	Bimetallic Al/Fe Metal-Organic Framework for highly efficient photo-Fenton degradation of rhodamine B under visible light irradiation	7		Materials Letters, 0167-577X	ISI (Q2, IF=3,574)	16	279 (2020), 128482	8/2020
26	Investigation of the Co(II) biosorption mechanism on pomelo fruit peel from aqueous solution	5	X	Hội nghị: The 2020 Pure and Applied Chemistry International Conference (PACCON 2020)		-		2/2020
27	Investigation of the removal of Ni(II) from aqueous solution using pomelo fruit peel	1	X	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (VJSTE), ISSN: 2525-2461, eISSN: 2615-9937.		-	T63, Số 2, Trang 7-12	6/2021
28	Fabrication of SiO ₂ /PEGDA-inverse opal photonic crystal with fluorescence enhancement effects	8	X	Journal of Analytical Methods in Chemistry, ISSN: 2090-8865, eISSN: 2090-8873	ISI (Q3, IF=2,594)	2	Vol.2021, Article ID 6613154, 7 trang.	2/2021
29	Facile synthesis of novel nano curcuminoids – sacha inchi oil using the phase inversion temperature (PIT) method:	7	X	Journal of Food Processing and Preservation, ISSN: 0145-8892, eISSN: 1745-4549	ISI (Q3, IF=2,609)	-	45 (5), e15402	2/2021

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	Characterization and antioxidant activity							
30	Stable dispersion of graphene oxide-copolymer nanocomposite for enhanced oil recovery application in high-temperature offshore reservoirs	10		Colloids and Surfaces A: Physicochemical and Engineering Aspects, ISSN: 0927-7757, eISSN: 1873-4359	ISI (Q2, IF=5,518)	1	628 (2021), 127343	8/2021
31	Morphological characterization of grafted polymer electrolyte membranes at a surface layer for fuel cell application	14		Journal of Applied Polymer Science, ISSN: 0021-8995, eISSN: 1097-4628	ISI (Q1, IF=3,057)	-	139 (14), 51901	10/2021
32	HTDMA-modified bentonite clay for effective removal of Pb(II) from aqueous solution	16	X	Chemosphere, ISSN: 0045-6535	ISI (Q1, IF=8,943)	6	286 (2022), 131766	2022
33	Pb (II) adsorption mechanism and capability from aqueous solution using red mud modified by chitosan	9	X	Chemosphere, ISSN: 0045-6535	ISI (Q1, IF=8,943)	8	287 (2022), 132279	2022
34	Adsorption of Pb(II) from aqueous solution by pomelo fruit peel-derived biochar	12	X	Materials Chemistry and Physics, ISSN: 0254-0584.	ISI (Q2, IF=4,778)	1	285 (2022), 126105	4/2022
35	Green synthesis of microalgae-based carbon dots for decoration of TiO ₂ nanoparticles in	11		Environmental research, ISSN: 0013-9351, eISSN: 1096-0953	ISI (Q1, IF=8,431)	4	206 (2022), 112631	2022

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
	enhancement of organic dye photodegradation							
36	Positron annihilation study of lattice defects and nanoporous structures in Mn ⁴⁺ doped K ₂ SiF ₆ nanophosphors exhibiting high quantum yield	12		Radiation Physics and Chemistry, ISSN: 0969-806X	ISI (Q2, IF=2,776)	-	195 (2022), 110064	3/2022
37	Antibacteria properties of silver nanoparticles greenly synthesized using guava fruit extract as a reducing agent and stabilizer	3	X	Applied Nanoscience, ISSN: 2190-5517	ISI (Q2, IF=3,869)		https://doi.org/10.1007/s13204-022-02506-6	5/2022

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **22** bài ISI sau khi bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ, trong đó có **14** bài UV là tác giả chính.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 0 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....
c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (NAFOSTED) (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đinh Văn Phúc